



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 23/05/2019,
Sửa đổi lần 1 theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT-IMP ngày 24/05/2022
của Hội đồng quản trị)*

Tháng 05 năm 2022



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 23/05/2019,
Sửa đổi lần 1 theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT-IMP ngày 24/05/2022
của Hội đồng quản trị)*

Tháng 05 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng	Trang 4
Điều 2. Mục đích của việc công bố thông tin	Trang 4
Điều 3. Giải thích từ ngữ	Trang 4
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin	Trang 6
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin	Trang 8
Điều 6. Phương tiện và hình thức công bố thông tin	Trang 9
Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin.....	Trang 11

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

MỤC 1 - CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 8. Công bố thông tin Báo cáo tài chính	Trang 11
Điều 9. Công bố thông tin Báo cáo thường niên	Trang 13
Điều 10. Công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty, Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty	Trang 13
Điều 11. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	Trang 13
Điều 12. Công bố thông tin về hoạt động khác.....	Trang 14
Điều 13. Báo cáo về Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ	Trang 14

MỤC 2 – CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Điều 14. Công bố thông tin bất thường	Trang 15
Điều 15. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản..	Trang 18
Điều 16. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Trang 18
Điều 17. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác	Trang 18

MỤC 3 – CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Điều 18. Công bố thông tin theo yêu cầu.....	Trang 19
--	----------

MỤC 4 – CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 19. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, hoặc khi không còn là cổ đông lớnTrang 19

Điều 20. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Imexpharm, và người có liên quan của người nội bộTrang 20

Điều 21. Công bố thông tin về nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quanTrang 21

Điều 22. Công bố thông tin của tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu ImexpharmTrang 21

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 23. Quy trình công bố thông tinTrang 22

Điều 24. Bảo quản và lưu giữ thông tinTrang 23

CHƯƠNG IV. XỬ LÝ VI PHẠM VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 25. Xử lý vi phạm về công bố thông tin.....Trang 24

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 26. Hiệu lực thi hànhTrang 24

Điều 27. Sửa đổi, bổ sungTrang 24

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

.....
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 23/05/2019
của Hội đồng quản trị

Sửa đổi lần 1 theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT-IMP ngày 24/05/2022
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm)

CHƯƠNG I – NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần dược phẩm Imexpharm (sau đây viết tắt là “Quy chế”) quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (sau đây viết tắt là “Imexpharm” hoặc “Công ty”).
2. Đối tượng áp dụng:
 - a) Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm công bố thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết;
 - b) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 8 Điều 3 Quy chế này.

Điều 2. Mục đích của việc công bố thông tin

Việc công bố thông tin theo quy định của Quy chế này nhằm công khai các hoạt động kinh doanh của Imexpharm, giúp các nhà đầu tư, khách hàng nắm được thực trạng hoạt động của Công ty để có cơ sở đánh giá, xem xét thiết lập các quan hệ kinh tế, giao dịch với Công ty; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông và những người liên quan đến Công ty, đồng thời chấp hành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “SGDCK VN” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
2. “SGDCK TPHCM” là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
3. “TTLKCKVN” là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
4. “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
5. “Công bố thông tin bất thường” là việc Công ty công bố thông tin trong một thời hạn nhất định được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường theo quy định của pháp luật.

6. “*Công bố thông tin định kỳ*” là việc Công ty công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định của pháp luật.
7. “*Công bố thông tin theo yêu cầu*” là việc Imexpharm công bố thông tin khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc theo quy định của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
8. “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Imexpharm.
9. “*Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin*” bao gồm:
 - Nhà đầu tư là người nội bộ của Imexpharm và người có liên quan của người nội bộ;
 - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Imexpharm;
 - Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Imexpharm;
 - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Imexpharm.
10. “*Người nội bộ của Công ty*” là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin, Kế toán trưởng/Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm.
11. Điều lệ Công ty: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần dược phẩm Imexpharm được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/01/2022, và các bản sửa đổi, bổ sung hợp lệ sau đó.
12. *Quy chế quản trị Công ty*: Là Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần dược phẩm Imexpharm được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/01/2022, và các bản sửa đổi, bổ sung hợp lệ sau đó.
13. “*Người có liên quan*”, “*Nhóm người/Nhóm nhà đầu tư có liên quan*”: là các cá nhân, tổ chức có liên quan với nhau theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán Số 54/2019/QH14.
14. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan bao gồm các tổ chức nước ngoài là người có liên quan có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
15. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán 2019 và pháp luật về kiểm toán độc lập.

16. “Ngày công bố thông tin” là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này.
17. “Ngày báo cáo về việc công bố thông tin” là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email; ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK; hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin, tùy theo thời điểm nào đến trước.
18. “Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán” và “Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán”: thực hiện theo quy định tại Khoản 11 và Khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
19. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp Số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc Hội.
20. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
21. Thông tư 96/2020/TT-BTC: Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
22. Quy chế CBTT tại SGDCK Việt Nam và công ty con: Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con Số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam.
23. Quy chế CBTT tại SGDCK TPHCM: Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của Tổng Giám đốc SGDCK TPHCM.
24. Thông tư 118/2020/TT-BTC: Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.
25. Thông tư 51/2021/TT-BTC: Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
26. Thông tư số 120/2020/TT-BTC: Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và phải bảo đảm:

- a) Imexpharm và nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin quy định tại Khoản 8 Điều 3 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty hoặc các đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó và gửi công văn kèm theo thông tin đính chính đến UBCKNN, SGDCK TPHCM.
 - b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, Imexpharm hoặc nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK TPHCM.
 - c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
2. Imexpharm thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty: <http://www.imexpharm.com>, thông tin công bố trên website nêu rõ thời điểm (ngày, giờ) công bố thông tin, đồng thời gửi thông tin công bố đến SGDCK TPHCM, UBCKNN để báo cáo và công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin điện tử của SGDCK TPHCM, UBCKNN.
 3. Các nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin quy định tại Khoản 8 điều 3 Quy chế này khi thực hiện công bố thông tin phải gửi đến UBCKNN và SGDCK TPHCM để báo cáo, đồng thời gửi thông tin công bố cho Imexpharm để thực hiện công bố thông tin trên website Công ty.
 4. Trường hợp thông tin công bố bao gồm thông tin cá nhân quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK TPHCM 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân, 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN, SGDCK TPHCM thực hiện công khai thông tin.
 5. Imexpharm có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
 - a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên website Công ty tối thiểu 05 năm
 - b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ trên website Công ty tối thiểu 05 năm

6. Imexpharm phải đăng ký lại thông tin liên hệ trong thời hạn 24 giờ trước khi sự thay đổi thông tin liên hệ có hiệu lực theo mẫu CBTT/SGDHCM-01 ban hành kèm theo Quy chế CBTT tại SGDCK TPHCM.
7. Imexpharm công bố thông tin (định kỳ/bất thường/theo yêu cầu) theo mẫu CBTT/SGDHCM-02 ban hành kèm theo Quy chế CBTT tại SGDCK TPHCM và gửi kèm công văn thông tin công bố.
8. Việc công bố thông tin thực hiện theo đúng mẫu và bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Quy chế CBTT tại SGDCK Việt Nam và công ty con, Quy chế CBTT tại SGDCK TPHCM, và các quy định pháp luật khác có liên quan. Ngôn từ trong thông tin công bố cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho nhà đầu tư.
Nếu thông tin công bố sai mẫu, không rõ ràng, hoặc nếu phát hiện là thông tin thiếu chính xác, giả mạo, thông tin không liên quan tới hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc thông tin không thuộc phạm vi phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán sẽ bị SGDCK từ chối tiếp nhận thông tin công bố và không công bố thông tin trên website của SGDCK.
9. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là tiếng Việt. Việc công bố thông tin bằng tiếng Anh kèm theo tiếng Việt được khuyến khích, trong đó nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo.
 - Công ty đăng ký lộ trình và thực hiện công bố thông tin bằng tiếng Anh theo hướng dẫn tại Phụ lục/SGDCK-01 kèm theo Quy chế CBTT trên SGDCK TPHCM.
10. Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của UBCKNN/cơ quan có thẩm quyền, Imexpharm thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành nghị quyết/quyết định và trong vòng 24 giờ kể từ khi Công ty nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của UBCKNN/cơ quan có thẩm quyền khác.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Imexpharm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật, hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Imexpharm.
 - a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất trong Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

- b) Imexpharm phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK TPHCM trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:
- a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;
- b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;
- c) Cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK TPHCM trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người được ủy quyền công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC (trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân).
3. Người thực hiện công bố thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện theo quy định tại Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 6. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Các phương tiện Imexpharm sử dụng để báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
 - a) Trang thông tin điện tử (website): <http://www.imexpharm.com>
 - b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
 - c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK.
2. Imexpharm phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:
 - a) Công ty phải lập và công bố thông tin đầy đủ trên trang thông tin điện tử của mình đồng thời với việc báo cáo cho UBCKNN, SGDCK TPHCM. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Thông tư này;
 - b) Thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty phải hiển thị rõ thời điểm (ngày, giờ), và đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử;
 - c) Thời gian lưu trữ các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu trên trang điện tử của Công ty tối thiểu là năm (05) năm.
 - d) Trường hợp có thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử xảy ra sự cố dẫn đến gián đoạn thông tin công bố đến nhà đầu tư, Công ty phải thông báo bằng văn bản đến UBCKNN, SGDCK TPHCM nêu rõ thời gian thay đổi và địa chỉ của trang thông tin điện tử mới, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục sự cố dẫn đến gián đoạn thông tin trong thời gian sớm nhất cho UBCKNN, SGDCK TPHCM.
3. Trường hợp nghỉ vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Imexpharm, và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.
4. Thông tin công bố/ báo cáo thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Đối với thông tin dưới hình thức văn bản: Văn bản phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ trên đó thể hiện:

- Chữ ký của người công bố thông tin/ báo cáo đối với cá nhân;
 - Xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm họ tên, chức vụ, chữ ký, đóng dấu đối với tổ chức.
- b) Thông tin dưới hình thức dữ liệu điện tử:
- Dữ liệu điện tử được gửi đến SGDCK thông qua địa chỉ email đã đăng ký hoặc phương tiện khác do SGDCK quy định.
 - Thông tin công bố là bản scan văn bản đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, có định dạng PDF.
 - Dữ liệu phục vụ thống kê, giám sát là dữ liệu điện tử định dạng word/excel sử dụng bảng mã Unicode.
 - Dung lượng tối đa của dữ liệu điện tử là 15 MB, trường hợp dung lượng của dữ liệu điện tử lớn hơn mức tối đa, Imexpharm phải cung cấp đường dẫn đến địa chỉ trang thông tin điện tử có đăng tải toàn bộ nội dung thông tin công bố.
5. Imexpharm hoặc nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin chuyển văn bản hợp lệ đến SGDCK TPHCM qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp. Trường hợp thông tin được gửi qua fax/email/hệ thống thông tin điện tử của SGDCK TPHCM..., văn bản hợp lệ phải được gửi đồng thời đến SGDCK TPHCM.
6. Imexpharm thực hiện bố thông tin đến UBCKNN, SGDCK TPHCM qua cổng công bố thông tin điện tử theo nguyên tắc:
- a) Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm tên truy cập và mật khẩu;
 - b) Thực hiện công bố thông tin theo đúng hướng dẫn của UBCKNN và SGDCK TPHCM.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK TPHCM về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II – QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

MỤC 1 – CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 8. Công bố thông tin Báo cáo tài chính

1. **Báo cáo tài chính năm**

Imexpharm phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, theo nguyên tắc sau:

- a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
- b) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính đó, Imexpharm phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty.

- c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm:

Imexpharm phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính bán niên

Imexpharm phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận

- a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại mục a khoản 1 Điều 8 Quy chế này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính.

Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

- b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên

Công ty phải công bố Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính.

3. Báo cáo tài chính quý

Imexpharm phải công bố báo cáo tài chính quý.

- a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại mục a khoản 1 Điều 8 Quy chế này. Toàn văn báo cáo tài chính quý phải được công bố đầy đủ;

- b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Công ty phải công bố Báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Điều 9. Công bố thông tin Báo cáo thường niên

Imexpharm phải lập Báo cáo thường niên theo Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

- a) Báo cáo thường niên phải được công bố chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán, nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- b) Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Điều 10. Công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty, Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty

- 1. Imexpharm phải công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty định kỳ 6 tháng và năm theo năm dương lịch. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.
Công ty phải gửi cho UBCKNN, SGDCK TPHCM hai (02) bản báo cáo bao gồm:
 - a) Một (01) bản báo cáo đầy đủ các nội dung theo mẫu Phụ lục số V kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
 - b) Một (01) bản báo cáo theo mẫu Phụ lục số V kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC nhưng không bao gồm các thông tin cá nhân theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 4 Quy chế này.
- 2. Công ty phải gửi Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty 06 tháng đầu năm và cả năm dương lịch gửi đến SGDCK TPHCM. Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.
Tài liệu bao gồm:
 - a) Một (01) bản báo cáo theo mẫu CBTT/SGDHCM - 3 kèm theo Quy chế CBTT tại SGDCK TPHCM;
 - b) Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel; hoặc SGDCK TPHCM có thể yêu cầu qua email việc điền biểu mẫu trực tuyến.

Điều 11. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Imexpharm phải công bố trên website của Công ty và của UBCKNN, SGDCK TPHCM về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có).
2. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong vòng 24 giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Công bố thông tin về các hoạt động khác

- a) Công ty công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC và các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

- b) Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCK TPHCM, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

- c) Công ty công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Chứng khoán, Điều 8 Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 13. Báo cáo về Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ.

1. Công ty báo cáo về Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty theo sổ cổ đông gần nhất tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch đến SGDCK TPHCM.

Tài liệu bao gồm:

- d) Một (01) bản báo cáo theo mẫu CBTT/SGDHCM-04 kèm theo Quy chế CBTT tại SGDCK TPHCM.
 - e) Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel.
2. Thời hạn nộp:
- a) Báo cáo 06 tháng đầu năm: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10/06.
 - b) Báo cáo 06 tháng cuối năm: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10/12.

MỤC 2 – CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Điều 14. Công bố thông tin bất thường

Imexpharm phải công bố thông tin bất thường và nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, các giải pháp khắc phục (nếu có) trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- 1. Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
- 2. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
- 3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- 4. Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
6. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;
9. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;
10. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Công ty thực hiện công bố thông tin sự thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành theo mẫu CBTT/SGDHCM-08 kèm theo Quy chế CBTT tại SGDCK TPHCM.

Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;
- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

11. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK TPHCM Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCK TPHCM về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo mẫu Phụ lục II Thông tư 96/2020-TT-BTC trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.
12. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét
13. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;
14. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
15. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
16. Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
17. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.
18. Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
19. - Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
- Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);
- Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

Điều 15. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này;

2. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Điều 16. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

1. a) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
b) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK TPCHM, Công ty công bố thông tin và gửi thông báo cho SGDCK TPHCM nêu rõ lý do hủy chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.
3. Ngoài ra, trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty gửi cho SGDCK các tài liệu sau:
 - a) Một (01) bản tóm tắt sổ cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo mẫu CBTT/SGDHCM-09 kèm theo Quy chế CBTT tại SGDCK TPHCM.
 - b) Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

Điều 17. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

1. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
2. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

MỤC 3 – CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Điều 18. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK TPHCM trong các trường hợp sau đây:
 - a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung công bố thông tin theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

MỤC 4 - CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 19. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty:

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước

ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.
6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này

Điều 20. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Imexpharm, và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ (gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK, và Imexpharm, khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:
 - a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
 - b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK TPHCM đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK TPHCM;
 - c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
 - d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;
 - đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không

thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

- e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
- 2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư này.
- 3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty, hoặc người có liên quan, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.
- 4. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
- 5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 21. Công bố thông tin về nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan

- 1. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- 2. Đối với nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan, nghĩa vụ công bố thông tin của nhóm này căn cứ trên tổng tỷ lệ sở hữu của cả nhóm mà không căn cứ trên tỷ lệ sở hữu của từng thành viên trong nhóm

Điều 22. Công bố thông tin của tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu Imexpharm

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai, công ty mục tiêu và công ty quản lý quỹ đầu tư mục tiêu phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

CHƯƠNG III – TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 23. Quy trình công bố thông tin

1. Tất cả các thông tin phải trình Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt trước khi thực hiện công bố.
2. Thông tin định kỳ đã được xác lập về thời gian và giao cho từng bộ phận, cá nhân cụ thể có trách nhiệm chuẩn bị và xử lý thông tin công bố:
 - Công bố thông tin Báo cáo tài chính theo Điều 8 Quy chế này giao cho Phòng Tài chính – Kế toán phụ trách;
 - Công bố thông tin Báo cáo thường niên theo Điều 9 Quy chế này: giao cho Phòng IR phụ trách;
 - Công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị Công ty, Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty theo Điều 10 Quy chế này: giao cho Người phụ trách quản trị công ty phụ trách;
 - Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo Điều 11 Quy chế này: giao cho Ban soạn thảo văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên và Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị phụ trách;
 - Công bố thông tin về hoạt động chào bán chứng khoán và báo cáo sử dụng vốn Quy định tại Điều 12 Quy chế này: giao cho Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phòng Tài chính – Kế toán phụ trách;
 - Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo Điều 13 Quy chế này: Giao cho Trưởng Phòng Pháp chế và Người phụ trách quản trị công ty phụ trách;
 - Công bố thông tin về danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ theo Điều 14 Quy chế này: Giao cho Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị phụ trách.
3. Công bố thông tin bất thường và theo yêu cầu trong vòng 24 giờ theo quy định tại Điều 15 và Điều 21 Quy chế này:
 - Tùy theo tính chất, nội dung của thông tin mà Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền công bố thông tin giao cho các cá nhân, bộ phận liên quan đảm trách việc xử lý và chuẩn bị thông tin công bố;
 - Trước ít nhất sáu (06) giờ làm việc trước khi kết thúc thời hạn công bố thông tin, các bộ phận phòng ban chức năng và các đối tượng liên quan khác có trách nhiệm cung cấp thông tin cho bộ phận xử lý thông tin để công bố.
4. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 18 Quy chế này giao cho Phòng Kế toán – Tài chính phụ trách chuẩn bị thông tin công bố.

5. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ quy định tại Điều 19 Quy chế này giao cho Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị phụ trách chuẩn bị thông tin công bố.
6. Công bố thông tin khi nhận được đề nghị chào mua công khai theo Điều 20 Quy chế này giao cho Trưởng phòng Pháp chế và người phụ trách quản trị công ty chuẩn bị thông tin công bố.
7. Các trường hợp công bố thông tin khác, Tổng Giám đốc công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin chỉ định người chịu trách nhiệm xử lý thông tin để công bố.
8. Phòng IR: Chịu trách nhiệm đầu mối tiếp nhận thông tin để công bố trên website công ty
9. Trợ lý Chủ tịch HĐQT: chịu trách nhiệm báo cáo cho SGDCK TPHCM qua email kịp thời, đầy đủ, chính xác.
10. Người phụ trách công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của SGDCK TPHCM và UBCKNN chịu trách nhiệm thực hiện công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của SGDCK TPHCM và UBCKNN kịp thời, đầy đủ, chính xác; đồng thời phải tuân thủ nguyên tắc theo Khoản 6 Điều 6 Quy chế này.
11. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm giám sát chung quy trình công bố thông tin của Công ty.
12. Đối với các nội dung công bố thông tin thuộc nghĩa vụ của Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin thì các đối tượng này thực hiện công bố hoặc ủy quyền công bố thông tin theo quy định, đồng thời chịu trách nhiệm về nội dung và thời hạn công bố.

Điều 24. Bảo quản và lưu giữ thông tin

1. Về nguyên tắc chung việc lưu giữ các thông tin công bố là vô thời hạn hoặc tuân thủ theo các quy định riêng của từng loại thông tin. Việc hủy thông tin theo một thời hạn nhất định (nếu có) phải đảm bảo điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều 4 Quy chế này. Việc hủy thông tin trên các phương tiện công bố thông tin không đồng nhất với việc hủy thông tin gốc.
2. Các thư điện tử dùng để gửi thông tin công bố chỉ được xóa khi chắc chắn không còn giá trị tham chiếu về việc gửi thông tin.
3. Thông tin công bố phải được lập hồ sơ lưu giữ tại Phòng Nhân sự - Hành chính và đơn vị xử lý thông tin.
4. Việc lưu trữ thông tin phải đảm bảo khả năng truy cập nhanh chóng khi cần.

CHƯƠNG IV. XỬ LÝ VI PHẠM VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 25. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Các hành vi vi phạm Quy chế công bố thông tin dẫn đến vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật về chứng khoán, Nghị định 128/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và Thị trường chứng khoán, và Quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán.

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm được Hội đồng quản trị ban hành ngày 23/05/2019 theo Quyết định 18/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị.
2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Công ty. *nh*

Tp. Cao Lãnh, ngày 30 tháng 05 năm 2022

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CN. NGUYỄN QUỐC ĐỊNH